TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2026/DS-ST
Ngày 17 - 7 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi.
Bà Nguyễn Kim Nhi;

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2709/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1987. CCCD số 0380870503xx (có mặt).

Địa chỉ: số B, đường C, khóm G, phường E, thành phố C (nay là khóm E, phường T), tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1972. CCCD số 0960720159xx (vắng mặt).

Bà Phan Thị Lan A, sinh năm 1977. CCCD số 0961770044xx (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số G, đường T, phường T, tỉnh Cà Mau; Chổ ở hiện nay: số F, đường N, khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1987. CCCD số 0381870018xx (có mặt).

Địa chỉ: số B, đường C, khóm G, phường E, thành phố C (nay là khóm E, phường T), tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/12/2025 ông Nguyễn Thanh T1, bà Phan Thị Lan A có mượn của ông số tiền 1.275.000.000đ, thời gian 03 tháng sẽ hoàn trả (đến ngày 14/3/2026), không thỏa thuận lãi suất, khi mượn có viết giấy biên nhận tiền ngày 14/12/2025. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán ông T1, bà Lan A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Nay ông yêu cầu ông T1, bà Lan A cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả tổng số tiền vốn và lãi là 1.317.500.000 đồng. Trong đó: vốn 1.275.000.000

đồng; tiền lãi 42.500.000 đồng (lãi tính từ ngày 14/3/2026 đến ngày xét xử là 04 tháng 03 ngày, tính tròn 04 tháng).

- Bà Nguyễn Thị C trình bày: Thống nhất với trình bày ông T, không bổ sung gì thêm.

- Quá trình thụ lý, giải quyết bị đơn ông Nguyễn Thanh T1, bà Phan Thị Lan A vắng mặt, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T1, bà Phan Thị Lan A là bị đơn đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Trần Ngọc T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1, bà Phan Thị Lan A thanh toán tổng số tiền vốn là 1.317.500.000 đồng. Đối với ông Nguyễn Thanh T1, bà Phan Thị Lan A không trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy: Tại Biên nhận tiền, giấy vay tiền cùng ngày 14/12/2025 ông Nguyễn Thanh T1, bà Phan Thị Lan A có mượn của ông Trần Ngọc T, Nguyễn Thị C tổng số tiền 1.275.000.000đ và cam kết trong 03 tháng sẽ hoàn trả. Đối với ông T1, bà Lan A không trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện và biên nhận tiền, giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông T1, bà Lan A là người ký nhận mượn tiền. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền vốn là có cơ sở chấp nhận nên buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền vốn là 1.275.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu lãi suất: Tại đơn khởi kiện và trình bày tại tòa, ông T yêu cầu ông T1, bà Lan A trả tiền lãi với số tiền 42.500.000 đồng (lãi suất 10%/năm tính từ ngày 14/3/2026 dl đến ngày 17/7/2026 dl làm tròn 04 tháng). Bị đơn không trình bày về việc có trả lãi cho nguyên đơn. Xét thấy, tại Biên nhận tiền, giấy vay tiền cùng ngày 14/12/2025 vợ chồng ông T1 cam kết trong 03 tháng sẽ trả lại cho nguyên đơn nhưng không thực hiện theo thỏa thuận. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 14/3/2026 dl theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền lãi 42.500.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với bà Nguyễn Thị C là vợ ông T, tại biên nhận thể hiện người cho mượn là Trần Ngọc T, Nguyễn Thị C. Tại tòa bà C xác định tiền cho mượn là tiền chung vợ chồng nên bà yêu cầu bị đơn cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà. Xét thấy, tại biên nhận tiền, giấy vay tiền thể hiện người mượn là Nguyễn Thanh T1, Phan Thị Lan A, người cho mượn Trần Ngọc T, Nguyễn Thị C nên buộc ông T1, bà Lan A hoàn trả cho ông T1, bà C là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho ông T, bà C tổng số tiền vốn và lãi là 1.317.500.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Thanh T1, bà Phan Thị Lan A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Ngọc T, bà Nguyễn Thị C tổng số tiền vốn và lãi là: 1.317.500.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn). Trong đó: vốn 1.275.000.000 đồng; lãi 42.500.000 đồng.

Kể từ ngày ông Trần Ngọc T, bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thanh T1, bà Phan Thị Lan A không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Nguyễn Thanh T1, bà Phan Thị Lan A phải nộp số tiền 51.525.000 đồng (chưa nộp).

+ Ông Trần Ngọc T không phải nộp án phí. Vào ngày 09/4/2026 ông T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 25.245.500đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng chẵn), tại lai thu số 0004111 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND KV1 - Cà Mau;
- THADS KV1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lê Thị Thu